



Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG NGUỒN NGŨ LIỆU VÀ VIỆC SỬ DỤNG NGŨ LIỆU HỖ TRỢ GIẢNG DẠY KỸ NĂNG PHÒNG NGỪA XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Nguyễn Thị Diễm My, Đào Lê Tâm An,
Trần Văn Toàn, Nguyễn Thị Lan Anh*, Võ Thành Tiến

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Lan Anh – Email: nguyenthilananh@vietidea.edu.vn

Ngày nhận bài: 26-6-2024; ngày nhận bài sửa: 29-7-2024; ngày duyệt đăng: 29-8-2024

TÓM TẮT

Xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em là một tội ác đã và đang được nghiên cứu ở nhiều quốc gia hướng đến các biện pháp phòng ngừa và can thiệp phù hợp trong xã hội. Bài viết thảo luận về đánh giá của giáo viên tiểu học (GVTH) về ngữ liệu hỗ trợ việc giảng dạy những kỹ năng phòng ngừa XHTD cho học sinh tiểu học (HSTH), cũng như những thách thức mà họ gặp phải khi sử dụng các tài liệu này trong quá trình giảng dạy. Bằng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp sử dụng bảng hỏi và phỏng vấn trên 534 khách thể là GVTH hiện đang công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Bình Dương và Cần Thơ, chúng tôi phát hiện hầu hết giáo viên đều đánh giá cao các nguồn ngữ liệu hỗ trợ việc giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD nhưng họ gặp hạn chế trong khâu triển khai và truyền đạt ngữ liệu này đến học sinh. Kết quả là các biện pháp phòng ngừa XHTD trẻ em vẫn còn là một hạn chế. Các phát hiện nêu trên là nền tảng quan trọng giúp tiếp tục thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về việc sử dụng nguồn ngữ liệu này trong hoạt động giảng dạy, đào tạo cho giáo viên và HSTH, giúp nâng cao nhận thức và thực hiện có hiệu quả kỹ năng phòng ngừa XHTD trong thực tiễn cuộc sống.

Từ khóa: ngữ liệu; kỹ năng phòng ngừa; giáo viên tiểu học; xâm hại tình dục

1. Đặt vấn đề

Trong Báo cáo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Từ năm 2020 đến tháng 9 năm 2023 cả nước có 7883 trẻ em bị bạo lực, xâm hại dưới các hình thức khác nhau; bình quân một tháng có 170 em, một ngày có gần 6 em bị bạo lực, xâm hại; trẻ em gái chiếm tới 86%, trẻ em trai 14%. Một trong những nguyên nhân được báo cáo này chỉ ra là thiếu người bảo vệ và trẻ em thiếu kỹ năng tự bảo vệ trước các nguy cơ bị bạo lực, xâm hại (Nguyen, 2020). Thực tế cho thấy HSTH còn rất bỡ ngỡ, lúng túng khi đối diện với các hành vi, tình huống XHTD. Các em ứng phó chậm, chưa biết cách chống trả, phản ứng với

Cite this article as: Nguyen Thi Diem My, Dao Le Tam An, Tran Van Toan, Nguyen Thi Lan Anh, & Vo Thanh Tien (2024). Learning materials and their use in supporting teaching sexual abuse prevention skills for primary school students. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(8), 1397-1406.

các hành vi xâm hại gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất, tinh thần của học sinh (Giang et al., 2021; Huynh et al., 2022; Mai, 2024).

Một trong những yếu tố then chốt giúp HSTH hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân khỏi những hành vi XHTD chính là thông qua việc giảng dạy của giáo viên. Để trang bị những kỹ năng này cho học sinh một cách hiệu quả, đòi hỏi giáo viên phải tham khảo tài liệu, ngữ liệu để củng cố, hỗ trợ cho bài giảng của mình (Nguyen & Ha, 2023). Việc biên soạn tài liệu hướng dẫn phòng tránh bị xâm hại cho trẻ thì phần lớn tài liệu giấy lẫn các video tại Việt Nam hiện tại đều bắt nguồn từ nước ngoài, được biên dịch lại bởi chuyên gia các tổ chức phi chính phủ hoặc phi lợi nhuận (Giang et al., 2022). Những năm gần đây, đã có những tác giả quan tâm và thiết kế các sản phẩm giúp nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng phòng ngừa XHTD cho trẻ em, có thể kể đến như: ấn phẩm “Nâng cao nhận thức về phòng, chống lạm dụng trẻ em dành cho giáo viên” của UNICEF Việt Nam năm 2013; tài liệu “Phòng ngừa XHTD hướng dẫn cho trẻ em và người chưa thành niên” của Australian Aid – World Vision (2015); “*Cẩm nang Giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại*” – “*Luật bàn tay*” và “*Nguyên tắc đồ lót*” (2016) của tác giả Nguyễn Lan Hải; hai cuốn sách “Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho trẻ mầm non” và “Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho HSTH” của tác giả Huỳnh Văn Sơn xuất bản năm 2017... (Pham et al., 2019; Nguyen & Nguyen, 2020).

Nghiên cứu sau đây được tiến hành để tìm hiểu thực trạng về nguồn ngữ liệu cũng như việc sử dụng ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH, làm tiền đề cho việc xây dựng các ngữ liệu hỗ trợ mới phù hợp hơn với nhu cầu của GVTH.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khách thể nghiên cứu

Bảng hỏi được thực hiện thông qua hình thức khảo sát online qua công cụ google biểu mẫu. Nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra đối tượng là GVTH tại các khu vực: TPHCM, Bình Dương và Cần Thơ. Sau khi sàng lọc những phiếu trả lời lỗi, tổng số phiếu hợp lệ thu về là 534. Thông tin chi tiết ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Đặc điểm khách thể khảo sát

STT	Đặc trưng	Câu trả lời	Tỉ lệ
1	Giới tính	Nam	112 (21%)
		Nữ	419 (78,5%)
		Không nêu rõ	2 (0,4%)
2	Kinh nghiệm giảng dạy tiểu học	< 1 năm	11 (2,1%)
		Từ 1 - 3 năm	35 (6,5%)
		Từ 3 - 5 năm	52 (9,8%)
		> 5 năm	436 (81,6%)

		< 1 năm	117 (21,9%)
3	Kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD trẻ em	Từ 1 - 3 năm	71 (13,3%)
		Từ 3 - 5 năm	68 (12,7%)
		> 5 năm	278 (52,1%)

Với đặc thù của GVTH, hoàn toàn dễ hiểu khi sự phân bố theo giới tính chiếm đa số là nữ với 78,5%. Dựa vào kinh nghiệm giảng dạy, có trên 80% khách thể có trên 5 năm kinh nghiệm dạy tiểu học và trên 50% trên 5 năm giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD trẻ em.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn và phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập thông tin định tính và định lượng về thực trạng nguồn ngữ liệu và việc sử dụng ngữ liệu trong việc dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH của giáo viên.

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên 3 bước chính:

- Bước 1: Thảo luận nhóm và khảo sát mở cùng 25 GVTH nhằm có cơ hội trao đổi, điều chỉnh các yếu tố khảo sát thật sát với điều kiện giảng dạy thực tế.
- Bước 2: Xây dựng bảng hỏi, điều tra khảo sát thử, điều chỉnh các câu hỏi tối nghĩa, trùng lặp.
- Bước 3: Điều tra chính thức và xử lý số liệu.

Bảng hỏi sử dụng hai dạng câu hỏi chính: Câu hỏi đo tỉ lệ phần trăm và câu hỏi 5 mức độ theo thang đo Likert, với mức thấp nhất là 1, cao nhất là 5. Điểm chênh lệch giữa các mức độ được tính theo công thức $(5-1)/5 = 0,8$. Như vậy, ý nghĩa các mức độ cụ thể là:

- Từ 1 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý/ Rất không hữu ích.
- Từ 1,81 – 2,60: Không đồng ý/ Không hữu ích.
- Từ 2,61 – 3,40: Phân vân
- Từ 3,41 – 4,20: Đồng ý/ Hữu ích.
- Từ 4,21 – 5,0: Hoàn toàn đồng ý/ Rất hữu ích.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng nguồn ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH hiện nay

Kết quả đánh giá chung về thực trạng nguồn ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH hiện nay được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá chung về ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH hiện nay

STT	Câu trả lời	Tần số	Tỉ lệ
1	Rất không hữu ích	28	5,2%
2	Không hữu ích	15	2,8%
3	Bình thường	68	12,7%
4	Hữu ích	166	31,1%
5	Rất hữu ích	257	48,1%
Điểm trung bình		4,14	

Nhìn chung, GVTH cho rằng ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH hiện nay ở mức “hữu ích” với điểm trung bình là 4,14. Trong đó, lựa chọn “rất hữu ích” chiếm gần một nửa số lượng khách thể khảo sát với 48,1%, theo sau đó là “hữu ích” với 31,1%. Chỉ có 28 giáo viên đánh giá ngữ liệu hỗ trợ ở mức “rất không hữu ích”. Như vậy, thực trạng ngữ liệu hiện nay đã được GVTH đánh giá khá cao, cho thấy sự đa dạng về nội dung và hình thức đã phần nào đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD.

Phỏng vấn một số GVTH tại TPHCM cho thấy một quan điểm chiết trung về sự tác động của internet làm cho các ngữ liệu về kỹ năng phòng ngừa XHTD nói riêng và phòng ngừa XHTD nói chung cũng tiện lợi, dễ tìm và nhanh chóng. Được tiếp cận khá đầy đủ nên các giáo viên đều cho rằng những tài liệu đó có ích cho quá trình dạy về phòng ngừa XHTD cho học sinh, nhưng cũng mang đến một số bất lợi. Cụ thể, giáo viên NTLH cho biết: *“Bây giờ mạng internet cũng có đầy đủ và nhiều những tài liệu về XHTD, chỉ khó ở chỗ chúng tôi phải chắt lọc và lưu trữ về để sử dụng cho phù hợp. Giáo án trên mạng thì cũng có nhưng không hay”*. Giáo viên NHT cho biết *“Theo tôi, các tài liệu hỗ trợ giáo viên dạy phòng ngừa XHTD cho HSTH hiện nay rất hữu ích. Vừa đảm bảo khoa học, dễ hiểu vừa đảm bảo giáo viên khi dạy tránh bị nhầm lẫn hoặc sai kiến thức”*. Giáo viên NVT cùng quan điểm và bổ sung thêm: *“Những tài liệu do Bộ GD&ĐT và UNICEF cung cấp rất có ích cho giáo viên, giúp chúng tôi dễ tìm kiếm và tải về vì nó miễn phí. Còn nội dung, thì thường chúng cung cấp những kiến thức cơ bản và cần thiết về phòng ngừa xâm hại, từ cách nhận biết nguy hiểm đến các biện pháp bảo vệ và nhờ hỗ trợ”*.

Trong khi đó, các giáo viên tại Bình Dương thì chỉ ra những khó khăn trong tính hệ thống và sự thống nhất của các tài liệu, như: giáo viên NTH cho biết: *“Các tài liệu về bài giảng (kỹ năng phòng ngừa XHTD) thường chỉ được phát trong buổi tập huấn, bồi dưỡng có liên quan mà thôi, chứ chúng tôi không tìm thấy ngoài hiệu sách hay tải từ nguồn giáo án nào đó cụ thể.”*; Giáo viên NTDM thì cho rằng: *“Thông tin báo chí thì có tình trạng không xác thực, tài liệu thì mỗi trang một kiểu chưa thống nhất, video trên mạng thường không có chất lượng tốt cho lắm”*.

Như vậy, mặc dù ngữ liệu hiện tại nhận được sự đánh giá cao về tính hữu ích, nhưng vẫn cần cải thiện về tính thống nhất thông tin và chất lượng của các ngữ liệu. Đặt ra yêu cầu các cơ quan giáo dục cần cung cấp thêm nguồn tài liệu đáng tin cậy và đảm bảo tính hệ thống để hỗ trợ giáo viên một cách hiệu quả hơn trong việc giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD.

Kết quả đánh giá về hình thức ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH được trình bày trong Bảng 3 bên dưới.

Bảng 3. Đánh giá về hình thức ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD hiện nay

STT	Hình thức của ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kỹ năng phòng ngừa hành vi XHTD hiện nay	Điểm trung bình	Thứ hạng
1	Hình ảnh minh họa	4,12	4
2	Video bài mẫu	4,14	3
3	Video hỗ trợ hoạt động học (dùng để trình chiếu trong các hoạt động)	4,16	2
4	Các câu chuyện, tình huống	4,20	1
5	Sách, sổ tay hướng dẫn	4,08	5
6	Bài tập củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng	4,12	4
Điểm trung bình chung		4,14	

Về mặt hình thức của ngữ liệu hiện nay, nhìn chung, khách thể khảo sát đánh giá ở mức “hữu ích” với điểm trung bình chung là 4,14. Trong đó, yếu tố “các câu chuyện, tình huống” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 4,2, mức “hữu ích”, tiệm cận với mức “rất hữu ích”. Như vậy, có thể thấy những ngữ liệu đã tồn tại đang làm rất tốt việc truyền tải các câu chuyện, tình huống trong việc phòng tránh XHTD. Tại Việt Nam, đã có nhiều tác giả xuất bản nhiều sách, cẩm nang với phương thức trình bày hấp dẫn, thu hút trẻ tiểu học như “Những bảo bối của Hiệp sĩ Tani – Trẻ em bảo vệ trẻ em!”. Đây là cẩm nang phòng chống xâm hại, do Trần Lê Thảo Nhi, một bé gái sinh năm 2007, học sinh lớp 4 tại TPHCM sưu tầm, chia sẻ lại từ những việc có thật, những tình huống đã trải qua, kinh nghiệm từ bạn bè xung quanh, được viết lại với ngôn từ trong sáng, dễ đọc dễ hiểu của lứa tuổi HSTH, thông qua các mẫu chuyện, bài thơ ngắn gọn dễ nhớ và thực hành, phù hợp lứa tuổi HSTH. Phương án đứng vị trí thứ 2 là “Video hỗ trợ hoạt động học” với điểm trung bình là 4,16. Ở cả hai phương án này đều phù hợp với đặc trưng lứa tuổi của HSTH, khi các em phát triển khả năng tưởng tượng để xử lý tình huống cũng như dễ bị thu hút bởi các video minh họa có màu sắc, âm thanh sinh động. Tuy nhiên, hình thức được đánh giá thấp nhất – dù vẫn nằm ở mức “hữu ích” là “Sách, sổ tay hướng dẫn” với điểm trung bình là 4,08. Hình thức của những quyển sổ tay hoặc sách hướng dẫn thường ở dạng chữ, khiến việc tiếp nhận thông tin trở nên kém hấp dẫn hơn, ít được sự lựa chọn hơn.

Kết quả đánh giá nội dung ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH được trình bày ở Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Đánh giá về nội dung ngữ liệu hiện nay

STT	Nội dung của ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kỹ năng phòng ngừa hành vi XHTD hiện nay	Điểm trung bình	Thứ hạng
1	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về vùng riêng tư trên cơ thể	4,18	4
2	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về các biểu hiện của hành vi XHTD	4,19	3
3	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về tầm quan trọng của việc phòng ngừa XHTD	4,21	2
4	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về các văn bản pháp luật phòng ngừa XHTD	4,18	4
5	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về cách thức phòng ngừa XHTD	4,22	1
6	Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về các nội dung khác của kỹ năng phòng ngừa XHTD	4,22	1
Điểm trung bình chung		4,20	

Đánh giá chung về nội dung của ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH được giáo viên cảm nhận hữu ích hơn với điểm trung bình là 4,2. Trong 6 yếu tố về nội dung, có 3 yếu tố nằm ở mức “Rất hữu ích” với điểm trung bình là 4,22 lần lượt cho “Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về cách thức phòng ngừa XHTD” và “Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về các nội dung khác của kỹ năng phòng ngừa XHTD”. điểm trung bình 4,21 là yếu tố “Ngữ liệu giúp giáo viên dạy về tầm quan trọng của việc phòng ngừa XHTD”, cho thấy ngữ liệu hiện nay đã làm rất tốt trong việc trang bị nội dung liên quan đến cách thức phòng ngừa và nâng cao nhận thức trong việc nhận diện tầm quan trọng của kỹ năng này cho HSTH. Đánh giá này của GVTH cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu năm 2020 “Phòng ngừa XHTD trẻ em: Tổng hợp có hệ thống các can thiệp và sự hiệu quả của chúng ở các quốc gia đang phát triển” khi đã chỉ ra phần lớn các chương trình đều tập trung vào các biện pháp can thiệp được thực hiện trong môi trường giáo dục cũng như kiến thức và kỹ năng liên quan đến tự vệ và tìm kiếm sự giúp đỡ (Russell, Higgins, & Posso, 2020).

Các yếu tố còn lại mức điểm trung bình cũng rất cao và không chênh lệch nhiều. GVTH cho rằng ngữ liệu hiện nay cũng hữu ích trong việc nhận diện các biểu hiện của hành vi XHTD trẻ em. Yếu tố được đánh giá thấp nhất là việc dạy về vùng riêng tư của trẻ, cũng như các vấn đề liên quan đến pháp luật. Việc không nhận diện các vùng riêng tư có thể khiến trẻ hiểu lầm hoặc bỏ sót các hành vi tiềm ẩn nguy cơ XHTD. Tuy nhiên, yếu tố pháp luật vẫn hơi phức tạp so với đặc trưng lứa tuổi này, cũng như trong nghiên cứu của

tác giả Finkelhor (2009) cũng đã chỉ ra các chính sách liên quan đến quản lí tội phạm (đăng kí định danh tội phạm tình dục, thông báo cho cộng đồng về sự hiện diện của họ, tiến hành kiểm tra lí lịch việc làm, kiểm soát nơi người phạm tội có thể sống...) có rất ít bằng chứng cho thấy chúng có hiệu quả trong việc ngăn ngừa XHTD.

2.3.2. *Khó khăn trong việc sử dụng ngữ liệu hỗ trợ giáo viên dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD cho HSTH*

Bảng 5. Khó khăn trong việc sử dụng ngữ liệu hiện nay

STT	Khó khăn gặp phải trong quá trình sử dụng ngữ liệu hỗ trợ việc dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD	Điểm trung bình	Thứ hạng
1	Giáo viên tốn nhiều thời gian và công sức trong việc tìm kiếm ngữ liệu phù hợp với mục tiêu bài học	3,61	2
2	Giáo viên mất nhiều thời gian và công sức trong việc chọn lọc các ngữ liệu khoa học	3,62	1
3	Giáo viên chưa có ngữ liệu để hình dung về bài dạy mẫu của kĩ năng phòng ngừa XHTD	3,45	4
4	Giáo viên chưa có ngữ liệu rõ ràng để hướng dẫn dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD	3,45	4
5	Nội dung ngữ liệu đang có bị hàn lâm, khó áp dụng vào thực tế giúp học sinh phòng tránh XHTD	3,48	3
6	Ngữ liệu đang có chưa đáp ứng những yêu cầu cần đạt của kĩ năng phòng ngừa XHTD	3,39	8
7	Học sinh chưa hứng thú với những ngữ liệu đang có hiện nay về kĩ năng phòng ngừa XHTD	3,44	5
8	Ngữ liệu đang có chưa hỗ trợ tôi dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD một cách dễ dàng	3,39	8
9	Ngữ liệu đang có chưa gợi ý cho tôi nhiều phương pháp, hình thức dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD	3,43	6
10	Ngữ liệu đang có chưa hỗ trợ tôi dạy kĩ năng phòng ngừa XHTD một cách khoa học	3,42	7
Điểm trung bình chung		3,47	

Nhìn chung, GVTH “đồng ý” rằng mình có những khó khăn trong việc vận dụng, sử dụng ngữ liệu hiện nay với điểm trung bình là 3,47. Trong đó, khó khăn lớn nhất được đánh giá là “Giáo viên mất nhiều thời gian và công sức trong việc chọn lọc các ngữ liệu

khoa học” với điểm trung bình là 3,62, mức “đồng ý”. Mặc dù giáo viên đánh giá nội dung hiện tại của ngữ liệu vẫn đảm bảo tính khoa học, nhưng việc chất lọc, chọn lựa, có một nguồn đáng tin cậy để sử dụng ngay khi cần vẫn chưa có, do đó, giáo viên vẫn phải mất thời gian chọn lựa, sàng lọc ngữ liệu sao cho chuẩn xác nhất. Khó khăn cao thứ nhì là “Giáo viên tốn nhiều thời gian và công sức trong việc tìm kiếm ngữ liệu phù hợp với mục tiêu bài học” với điểm trung bình 3,61. Ở mỗi bài dạy về kỹ năng phòng ngừa XHTD trẻ em có những mục tiêu cần đạt khác nhau, trong khi đó các ngữ liệu thường được trình bày mang tính đơn lẻ, phục vụ cho một mục tiêu nhất định nào đó. Chính vì không có nguồn ngữ liệu thống nhất và đáp ứng mục tiêu dạy học nên giáo viên cũng mất nhiều công sức lựa chọn hơn.

Ở những khó khăn được đánh giá thấp nhất, có thể kể đến hai khó khăn nằm ở mức “không đồng ý”, nghĩa là giáo viên không cảm thấy đây là vấn đề gây ra khó khăn cho họ khi tham khảo các ngữ liệu này. Với điểm trung bình cùng là 3,39, yếu tố “Ngữ liệu đang có chưa đáp ứng những yêu cầu cần đạt của kỹ năng phòng ngừa XHTD” và “Ngữ liệu đang có chưa hỗ trợ tôi dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD một cách dễ dàng” xếp hạng 8 trong 10 yếu tố gây khó khăn. Như vậy, có thể xác định rõ ràng hơn khó khăn của giáo viên không nằm ở việc áp dụng ngữ liệu hoặc tính chất khoa học của ngữ liệu, mà là không có nơi truy cập nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian. Như vậy, việc xây dựng ngữ liệu trong tương lai cần lưu ý đến việc tạo ra một nơi dễ nhớ, thuận tiện cho việc tham khảo, nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, phù hợp như hiện nay.

3. Kết luận

Ngữ liệu hỗ trợ giảng dạy kỹ năng phòng ngừa XHTD ở HSTH đóng vai trò hữu ích, giúp đỡ giáo viên rất nhiều trong việc soạn giáo án, triển khai bài dạy và đánh giá kết quả. Có gần 80% khách thể khảo sát đánh giá các ngữ liệu này ở mức độ “hữu ích” và “rất hữu ích”. Mặc dù hiểu được tầm quan trọng của ngữ liệu, nhưng giáo viên vẫn gặp những khó khăn nhất định trong việc sử dụng chúng. Chủ yếu, khó khăn của giáo viên đến từ việc mất nhiều thời gian và công sức để lựa chọn ngữ liệu có tính khoa học và có sự phù hợp với mục tiêu bài học. Như vậy, việc xây dựng ngữ liệu trong tương lai cần kế thừa những điểm mạnh (về mặt nội dung, hình thức) của ngữ liệu hiện tại, nhưng cũng cần cải thiện việc tiếp cận, truy cập của giáo viên sao cho thuận tiện, nhanh chóng. Ngoài ra, đảm bảo tính khoa học, logic, phù hợp với đặc trưng lứa tuổi của HSTH cũng là yếu tố tiên quyết.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Finkelhor, D. (2009). The prevention of childhood sexual abuse. *The future of children*, 19(2), 169-194.
- Giang, T. V., Le, D. H., Nguyen, T. H., Huynh, V. S., & Nguyen, T. D. M. (2021). Case Report: The resiliency journey of a Vietnamese female sexual abuse survivor: an exploration in life history. *F1000Research*, 10, 1071. <https://doi.org/10.12688/f1000research.55227.2>
- Giang, T.V., Huynh, V.S., Le, D.H., & Cao, T.H. (2022). Bước đầu tìm hiểu một số biểu hiện tổn thương tâm lý của trẻ bị lạm dụng tình dục ở một số tỉnh, thành Việt Nam [Initial investigation of some manifestations of psychological trauma in sexually abused children in some provinces and cities in Vietnam]. *Vietnam Journal of Psychology*, 3(3), 32-45.
- Huynh, V. S., Giang, T. V., Le, D. H., & Nguyen, C. H. (2022). Thực trạng công tác tham vấn tâm lý cho trẻ bị lạm dụng tình dục tại một số tỉnh/thành phố ở Việt Nam [The context of psychological consultation for sexually abused children in some provinces/cities in Vietnam]. *Vietnam Journal of Education*, 22(13), 21-27. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/465>
- Mai, M. H. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tự hủy hoại bản thân của vị thành niên tại các đô thị phía Nam, Việt Nam [Factors affecting the self-destructive behavior of the adolescents in the Southern urban areas of Vietnam]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(1), 71-82. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.1.3932\(2024\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.1.3932(2024))
- Nguyen, T. M., & Nguyen, B. P. (2020). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh ở các trường tiểu học quận 8, thành phố Hồ Chí Minh [Current status of management of sexual abuse prevention skills education activities for students in primary schools in District 8, Ho Chi Minh City]. *Vietnam Journal of Education*, 482, 49-53.
- Nguyen, T. K. (2020). Thực trạng và giải pháp phòng ngừa các tội xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi trên địa bàn tỉnh Tiền Giang [Current status and solutions to prevent crimes of sexual abuse of people under 16 years old in Tien Giang province]. *Dong Thap University Journal of Science*, 9(2), 92-99. <https://doi.org/10.52714/dthu.9.2.2020.782>
- Pham, T. M. D., Mai, T. C., & Nguyen, H. A. (2019). Thiết kế các sản phẩm điện tử hỗ trợ hoạt động giáo dục phòng tránh bị xâm hại tình dục cho trẻ tiểu học [Design electronic products to support educational activities to prevent sexual abuse for elementary school children]. *Dong Thap University Journal of Science*, (36), 3-9.
- Russell, D., Higgins, D., & Posso, A. (2020). Preventing child sexual abuse: A systematic review of interventions and their efficacy in developing countries. *Child abuse & neglect*, 102, 104395. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2020.104395>
- Nguyen, P. T., & Ha, N. Q. A. (2023). Xâm hại tình dục trẻ em trên không gian mạng ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp phòng ngừa [Children cyber-sexual abuse in Vietnam – The context and solution]. *Vietnam Journal of Law and Reality*, 55(1), 116-118.

LEARNING MATERIALS AND THEIR USE IN SUPPORTING TEACHING SEXUAL ABUSE PREVENTION SKILLS FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS

*Nguyen Thi Diem My, Dao Le Tam An,
Tran Van Toan, Nguyen Thi Lan Anh*, Vo Thanh Tien*

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Lan Anh – Email: nguyenthilananh@vietidea.edu.vn*

Received: June 26, 2024; Revised: July 29, 2024; Accepted: August 29, 2024

ABSTRACT

Child sexual abuse is a crime that has been studied in many countries to develop appropriate prevention and intervention measures. This article examines primary school teachers' evaluation of learning materials designed to support the teaching of sexual abuse prevention skills to primary school students, as well as the challenges they face when using these materials in their teaching. This study used a mixed research design using questionnaires and interviews with 534 primary school teachers currently working in Ho Chi Minh City, Binh Duong, and Can Tho. It was found that although most teachers highly valued the materials for teaching sexual abuse prevention skills, they faced difficulties in implementing and effectively communicating these resources to students. As a result, child sexual abuse prevention remains limited in practice. The findings provide an important foundation for further in-depth research on the application of these materials in teaching and training activities for primary school teachers and students, aiming to raise awareness and improve the implementation of sexual abuse prevention skills in real-life contexts.

Keywords: learning materials; prevention skills; primary school teachers; sexual abuse